

Phụ lục 2**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI HẠN GIẢI QUYẾT
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)***A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (19 TTHC)				
1.	1.005061	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày và 05 ngày làm việc	07 ngày và 2,5 ngày làm việc	
2.	3.000302	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
3.	3.000303	Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
4.	3.000297	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
5.	3.000298	Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
6.	1.005008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
7.	1.004988	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
8.	2.001987	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
9.	3.000305	Giải thể trường dành cho người khuyết tật (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20 ngày	10 ngày	
10.	3.000300	Giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	20 ngày	10 ngày	
11.	3.000304	Sáp nhập, chia, tách trường dành cho người khuyết tật	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
12.	3.000299	Sáp nhập, chia, tách trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
13.	3.000306	Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
14.	3.000301	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường dành cho người khuyết tật	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
15.	1.012960	Điều chỉnh, bổ sung, gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	15 ngày và 05 ngày làm việc	7 ngày và 2,5 ngày làm việc	
16.	1.004991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
17.	1.004999	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông chuyên	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
18.	1.012959	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
19.	1.012958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
II.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (26 TTHC)				
20.	1.013760	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
21.	1.013762	Cho phép chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
22.	1.013763	Cho phép đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
23.	1.013761	Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
24.	1.013759	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật, phân hiệu của trường trung cấp tư thục	16 ngày và 07 ngày làm việc	8 ngày và 3,5 ngày làm việc	
25.	1.013765	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	26 ngày làm việc	13 ngày làm việc	
26.	1.013764	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;	26 ngày làm việc	13 ngày làm việc	
27.	1.010927	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
28.	1.010928	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
29.	2.000632	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
30.	1.010595	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
31.	1.000482	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
32.	1.000138	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
33.	1.000154	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
34.	1.000509	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	16 ngày làm việc	8 ngày làm việc	
35.	1.000530	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
36.	1.000553	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
37.	1.000159	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn và cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
38.	2.000130	Thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
39.	1.010596	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
40.	2.001959	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày làm việc	03 ngày làm việc	
41.	1.000389	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày và 03 ngày làm việc	05 ngày và 1,5 ngày làm việc	
42.	2.000189	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
43.	1.000167	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
44.	1.010593	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
45.	1.010594	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
III.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (12 TTHC)				

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
46.	1.013751	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thục	15 ngày và 05 ngày làm việc	07 này và 2,5 ngày làm việc	
47.	1.013755	Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	10 ngày và 05 ngày làm việc	05 ngày và 2,5 ngày làm việc	
48.	1.013752	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thục hoạt động trở lại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
49.	1.013756	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
50.	3.000316	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
51.	1.013754	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thục	15 ngày và 05 ngày làm việc	07 ngày và 2,5 ngày làm việc	
52.	1.013758	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	15 ngày và 05 ngày làm việc	07 ngày và 2,5 ngày làm việc	
53.	1.012988	Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm)	10 ngày và 05 ngày làm việc	05 ngày và 2,5 ngày làm việc	
54.	1.013753	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên tư thục	15 ngày và 05 ngày làm việc	07 ngày và 2,5 ngày làm việc	
55.	1.013757	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	15 ngày và 05 ngày làm việc	07 ngày và 2,5 ngày làm việc	
56.	3.000317	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	10 ngày và 05 ngày làm việc	05 ngày và 2,5 ngày làm việc	
57.	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	10 ngày và 05 ngày làm việc	05 ngày và 2,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
IV.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (10 TTHC)				
58.	1.012953	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
59.	1.012954	Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
60.	2.002478	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông	Không quy định	Không quy định	
61.	1.012956	Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
62.	1.012955	Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
63.	2.002480	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông người nước ngoài.	Không quy định	Không quy định	
64.	2.002479	Tiếp nhận học sinh trung học phổ thông Việt Nam về nước.	Không quy định	Không quy định	
65.	3.000181	Tuyển sinh trung học phổ thông	Theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm	Theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm	
66.	1.012944	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
67.	1.001088	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	Chưa quy định cụ thể	Chưa quy định cụ thể	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
V.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN				
68.	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Thực hiện 02 lần trong năm. Lần 1 tháng 9 hoặc tháng 10 hoặc tháng 11; lần 2 tháng 3 hoặc tháng 4 hoặc tháng 5	Thực hiện 02 lần trong năm. Lần 1 tháng 9 hoặc tháng 10 hoặc tháng 11; lần 2 tháng 3 hoặc tháng 4 hoặc tháng 5	
69.	1.000288	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	02 tháng và 15 ngày làm việc	1 tháng và 07 ngày làm việc	
70.	1.000280	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	02 tháng và 15 ngày làm việc	1 tháng và 07 ngày làm việc	
71.	1.000691	Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia	02 tháng và 15 ngày làm việc	1 tháng và 07 ngày làm việc	
72.	1.009002	Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên	15 ngày	07 ngày	
73.	2.002593	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp tỉnh	Trước ngày 15 tháng 02 hằng năm	Trước ngày 15 tháng 02 hằng năm	
74.	1.005144	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non,	Theo học kỳ hoặc theo năm học	Theo học kỳ hoặc theo năm học	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
		giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học			
75.	1.002982	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	10 ngày và 40 ngày làm việc	05 ngày và 20 ngày làm việc	
76.	1.005143	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
77.	2.002756	Thông báo đủ điều kiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số	Không quy định		
78.	1.000729	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
79.	1.002407	Xét, cấp học bổng chính sách	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
VI.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI (20 TTHC)				
80.	1.000718	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với: cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
81.	1.001493	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
82.	1.001496	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
83.	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc và 20 ngày	15 ngày làm việc và 10 ngày	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
84.	1.001495	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
85.	1.000939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
86.	1.008722	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
87.	1.001492	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
88.	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục	10 ngày làm việc (hoặc 40 ngày làm việc nếu có điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp)	05 ngày làm việc (hoặc 20 ngày làm việc)	
89.	1.013767	Giải thể, chấm dứt cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
90.	1.001499	Phê duyệt liên kết giáo dục	40 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
91.	1.001501	Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
92.	2.000545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
93.	1.008720	Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
94.	1.008721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
95.	1.008723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày và 05 ngày làm việc	10 ngày và 2,5 ngày làm việc	
96.	1.000716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
97.	2.000729	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
98.	2.000680	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	30 ngày làm việc	15 ngày làm việc	
99.	2.000451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
VII.	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (03 TTHC)				
100.	3.000465	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp tỉnh)	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
101.	1.004889	Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
102.	3.00466	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp tỉnh)	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
VIII.	LĨNH VỰC KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (04 TTHC)				
103.	1.000715	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	02 tháng và 15 ngày làm việc	01 tháng và 07 ngày làm việc	
104.	1.000713	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	02 tháng và 15 ngày làm việc	01 tháng và 07 ngày làm việc	
105.	1.000711	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	02 tháng và 15 ngày làm việc	01 tháng và 07 ngày làm việc	
106.	1.000259	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên	40 ngày làm việc	20 ngày làm việc	
IX.	LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH (09 TTHC)				
107.	1.003734	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin	Không quy định cụ thể	Không quy định cụ thể	
108.	1.005142	Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Theo hướng dẫn tổ chức thi THPT quốc gia hàng năm của Bộ GD&ĐT	Theo hướng dẫn tổ chức thi THPT quốc gia hàng năm của Bộ GD&ĐT	
109.	1.009394	Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển	30 ngày và 05 ngày làm việc	15 ngày và 2,5 ngày làm việc	

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
110.	1.001942	Đăng ký xét tuyển trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non	Theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm	Theo kế hoạch tuyển sinh hàng năm	
111.	1.005095	Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông	15 ngày	07 ngày	
112.	1.013338	Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông	07 ngày	3,5 ngày	
113.	1.005098	Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	30 ngày	15 ngày	
114.	2.001806	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học	Theo đợt tuyển sinh	Theo đợt tuyển sinh	
115.	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Theo kế hoạch tuyển sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Theo kế hoạch tuyển sinh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	LĨNH VỰC CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC (06 TTHC)				
1.	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	10 ngày	05 ngày	
2.	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
3.	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
4.	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
5.	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	10 ngày	05 ngày	
6.	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên thực hiệc các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	10 ngày làm việc và 20 ngày	05 ngày làm việc và 10 ngày	
II.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN (08 TTHC)				
7.	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
8.	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
9.	1.008724	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
10.	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
11.	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
12.	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	24 ngày làm việc	12 ngày làm việc	
13.	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	10 ngày làm việc và 40 ngày làm việc	05 ngày làm việc và 20 ngày làm việc	
14.	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	17 ngày làm việc	13,5 ngày làm việc	
III.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC (11 TTHC)				
15.	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định	
16.	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định	
17.	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
18.	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
19.	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
20.	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
21.	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
22.	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Không quy định	Không quy định	
23.	1.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Không quy định	Không quy định	
24.	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Do sở Giáo dục và đào tạo quy định	Do sở Giáo dục và đào tạo quy định	
25.	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	Không quy định	Không quy định	
IV.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP (02 TTHC)				
26.	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	30 ngày và 03 ngày làm việc	15 ngày và 1,5 ngày làm việc	
27.	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	30 ngày và 03 ngày làm việc	15 ngày và 1,5 ngày làm việc	
V.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON (05 TTHC)				
28.	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
29.	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
30.	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
31.	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
32.	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường)	10 ngày	05 ngày	
VI	LĨNH VỰC GIÁO DỤC TIỂU HỌC (06 TTHC)				
33.	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
34.	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
35.	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
36.	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	25 ngày làm việc	12,5 ngày làm việc	
37.	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
38.	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
VII.	LĨNH VỰC GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN (04 TTHC)				
39.	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
40.	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
41.	3.000307	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
42.	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
VIII.	LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ (02 TTHC)				
43.	3.000467	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	01 ngày làm việc	01 ngày làm việc	
44.	3.000468	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	02 ngày làm việc	02 ngày làm việc	